TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2017/HSST
Ngày 28 tháng 7 năm 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Thành Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Thanh Sơn

Ông Phạm Mạnh Hưng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Linh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Phương Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2017/HSST ngày 16 tháng 6 năm 2017, đối với các bị cáo:

1. Bùi Bá V1, sinh năm 1975 tại huyện YM, tỉnh Ninh Bình; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Xã ĐS, thành phố TĐ, tỉnh Ninh Bình; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Công nhân Công ty X; Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (đã bị đình chỉ sinh hoạt theo Quyết định của Đảng ủy Công ty X); con ông Bùi Bá D và bà Vũ Thị N; có vợ là Dương Thị H và 02 con; tiền sự: Không; tiền án: Tại Bản án số 01/2015/HSST ngày 07/01/2015, bị Tòa án nhân dân thị xã Tam Điệp xử phạt 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng; phạt bổ sung 5.000.000 đồng về tội Đánh bạc theo điểm b khoản 2 Điều 248 của Bộ luật Hình sự (đã được Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp ra quyết định rút ngắn 12 tháng thử thách, đã chấp hành xong khoản tiền phạt), đến ngày 14/2/2017 chưa chấp hành xong thời gian thử thách; bị tạm giữ từ ngày 14/2/2017 đến ngày 20/02/2017 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại (có mặt)

2. Lê Trọng T1, sinh năm 1981 tại Ninh Bình; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: đường H, phố PH, phường PT, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Công nhân Công ty X; con

ông Lê Trọng C và bà Hứa Thị T; có vợ là Đặng Thị H và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 14/2/2017 đến ngày 20/02/2017 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; hiện đang tại ngoại (có mặt)

3. Bùi Văn T2, sinh năm 1981 tại huyện GV, tỉnh Ninh Bình; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: phường TS, thành phố TĐ, tỉnh Ninh Bình; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Công nhân Công ty X; con ông Bùi Xuân L và bà Bùi Thị C; có vợ là Nguyễn Thị Thùy D và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 14/2/2017 đến ngày 20/02/2017 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; hiện đang tại ngoại (có mặt)

4. Phạm Mạnh T3, sinh năm 1987 tại thành phố TĐ, tỉnh Ninh Bình; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã QS, thành phố TĐ, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Công nhân Công ty V; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Phạm Văn C và bà Lê Thị S; có vợ là Hoàng Thị Thanh H và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 14/2/2017 đến ngày 20/02/2017 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; hiện đang tại ngoại (có mặt)

5. Đỗ Thế P, sinh năm 1966 tại huyện NS, tỉnh Thanh Hóa; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xã NT, huyện NS, tỉnh Thanh Hóa; chỗ ở hiện nay: Thôn TH, xã QS, thành phố TĐ, tỉnh Ninh Bình; trình độ văn hóa: 03/10; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Đỗ Thế Ph và bà Mai Thị C; có vợ là Nguyễn Thị L (đã ly hôn) và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 14/2/2017 đến ngày 20/02/2017 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; hiện đang tại ngoại (có mặt)

6. Vũ Văn S, sinh năm 1968 tại thành phố TĐ, tỉnh Ninh Bình; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: phường TS, thành phố TĐ, tỉnh Ninh Bình; trình độ văn hóa: 7/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Vũ Văn H và bà Nguyễn Thị D; có vợ là Đoàn Thị T và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 14/2/2017 đến ngày 20/02/2017 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; hiện đang tại ngoại (có mặt)

7. Nguyễn Hữu T4, sinh năm 1981 tại huyện YK, tỉnh Ninh Bình; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: phường TS, thành phố TĐ, tỉnh Ninh Bình; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Công nhân Công ty X; con ông Nguyễn Minh V và bà Đàm Thị L; có vợ là Nguyễn Thị N và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 14/2/2017 đến ngày 20/02/2017 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; hiện đang tại ngoại (có mặt)

8. Hoàng Văn V2, sinh năm 1982 tại huyện YK, tỉnh Ninh Bình; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn TT, xã QS, thành phố TĐ, tỉnh Ninh Bình; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông

Hoàng Kim C và bà Hoàng Thị G; có vợ là Nguyễn Thị T và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 14/2/2017 đến ngày 20/02/2017 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; hiện đang tại ngoại (có mặt)

9. Nguyễn Tất D, sinh năm 1995 tại thành phố TĐ, tỉnh Ninh Bình; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: phường TS, thành phố TĐ, tỉnh Ninh Bình; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Ngọc A và bà Trần Thị C; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 14/2/2017 đến ngày 20/02/2017 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; hiện đang tại ngoại (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Chị Đỗ Thị V, sinh năm 1973, trú tại: Thôn TH, xã QS, thành phố TĐ, tỉnh Ninh Bình. (vắng mặt)

NHẬN THẤY:

Các bị cáo: Bùi Bá V1, Lê Trọng T1, Bùi Văn T2, Phạm Mạnh T3, Nguyễn Hữu T4, Hoàng Văn V2, Đỗ Thế P, Vũ Văn S và Nguyễn Tất D bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Lê Trọng T1, Bùi Bá V1, Nguyễn Hữu T4, Phạm Mạnh T3, Hoàng Văn V2, Đỗ Thế P, Vũ Văn S và Bùi Văn T2 đều có quen biết nhau từ trước. Khoảng 13 giờ ngày 14/02/2017, Lê Trọng T1 gọi điện rủ Bùi Bá V1 đi đánh bạc, V1 không có tiền nên từ chối tham gia. Sau đó, V1 nhớ ra Bùi Văn T2 đang nợ 10.000.000 (mười triệu) đồng V1 sẽ đòi tiền nợ của T2 để đánh bạc nên V1 gọi lại cho T1 bảo xuống nhà đón đi đánh bạc. T1 vẫy taxi từ Khu tập thể Công ty X đi đón V1 tại xã ĐS. Sau đó, T1 gọi điện rủ Phạm Mạnh T3 đi đánh bạc và bảo T3 tìm thêm người tham gia đánh bạc cùng, đồng thời hẹn T3 tại khu vực gần cổng Nhà máy X; T3 đồng ý và gọi điện rủ Hoàng Văn V2 đi đánh bạc, V2 đồng ý. Lúc này V2 đang ngồi uống nước cùng NLC1 tại cổng công ty sản xuất T thuộc thôn TH, xã QS, thành phố TĐ nên T3 đi bộ từ nhà ra chỗ V2 ngồi uống nước cùng để đợi T1 báo địa điểm đánh bạc.

Đón được V1, nhưng T1 và V1 chưa xác định được địa điểm đánh bạc nên cùng đi về khu vực Nhà máy X để tìm địa điểm. Khi đến gần Khu tập thể X, V1 xuống xe vào một quán nước ven đường gọi điện cho T2 rủ đi uống nước và nhắc T2 mang tiền trả nợ cho V1; T1 vào khu tập thể X rủ và đón Nguyễn Hữu T4 đi đánh bạc cùng rồi quay lại đón V1 đi tìm địa điểm đánh bạc. Khi vừa đi được một đoạn thì Bùi Bá V1 nhìn thấy chị Đỗ Thị V, là người quen biết đã lâu, đang đi bộ trước cửa hàng tạp hóa của chị V. Bùi Bá V1 liền nảy sinh ý định mượn ngôi nhà của chị V nằm đối diện với cổng Công ty sản xuất T để đánh bạc nên Bùi Bá V1 bảo người lái taxi dừng xe rồi gọi hỏi mượn nhà của chị V và nói dối với chị V mượn nhà để ngủ; chị V đồng ý và lên xe taxi cùng đi về nhà cách

cửa hàng tạp hóa khoảng 600m để nhờ V1 cùng mọi người khiêng cây quất ra sân. Chị V mở cửa cho V1, T1, T4 vào nhà; T3, V2 và NLC1 đang ngồi uống nước gần đó nhìn thấy T1 thì đi theo vào nhà chị V. Lúc này có Đỗ Thế P, là anh trai của chị V đi bộ đến nhà chị V. Sau khi nhờ những người có mặt ở đó khiêng cây quất ra sân, chị V giao lại nhà và đi ra cửa hàng tạp hóa để bán hàng.

Sau khi chị V đi khỏi nhà, tại phòng khách nhà chị V, có T1, V1, T4, T3, V2, P và NLC1 đang ngồi uống nước thì T1 rủ mọi người đánh xóc đĩa ăn tiền, mọi người đồng ý. T1 vào bếp nhà chị V lấy 02 bát sứ, 01 đĩa sứ và 01 chiếc kéo ra phòng khách cắt từ vỏ bao thuốc lá Thăng Long ra 04 quân vị hình tròn, rồi T1, T4, T3, P lên gác xép, sử dụng 04 quân vị 01 bát và 01 đĩa bắt đầu đánh xóc đĩa được thua bằng tiền, đặt cửa thấp nhất là 50.000 đồng, còn V2 và NLC1 ngồi xem. Sau đó, thấy T4 thắng bạc, V2 có vay T4 500.000 đồng vào đánh bạc.

Do không có tiền nên Bùi Bá V1 ở dưới nhà khóa cửa cổng phía trước lại và gọi điện nhiều lần bảo T2 đến trả tiền nợ cho V1. Lúc này T2 cầm 4.000.000 đồng đang sẵn có trong người và đi bộ ra đường CL rồi nhờ xe của một người không quen biết để đến nhà chị V. V1 hướng dẫn T2 đi vòng ra cửa cổng sau và mở cửa, dẫn T2 lên gác xép nhà chị V rồi đòi tiền nợ của T2. Khi lên gác xép, T2 thấy T1, T3, T4, V2, P đang đánh xóc đĩa được thua bằng tiền thì T2 đưa trả nợ cho V1 1.000.000 đồng để V1 vào đánh xóc đĩa, còn giữ lại số tiền 3.000.000 đồng với ý định vào đánh xóc đĩa, nhưng do thấy chỗ ngồi đánh xóc đĩa không an toàn nên T2 chưa tham gia mà đi xuống dưới nhà gọi điện cho Nguyễn Tất D đến nhà chị V cảnh giới cho T2 tham gia đánh bạc, D đồng ý. Lúc này, D đang ngồi chơi cùng Nguyễn Hải Ph, sinh ngày 07/9/2001, trú tại phường NS, thành phố TĐ nên D rủ Ph đi cùng, rồi bắt taxi cùng lên cổng Công ty sản xuất T theo hướng dẫn của T2.

Khi T2 đang ngồi đợi D đến thì có Vũ Văn S đến hỏi tìm P (vì trước đó P có gọi điện hẹn S đi uống nước), T2 mở cửa cho Vũ Văn S vào nhà, lúc này anh NLC2 cũng theo vào trong nhà. Sau khi vào, S cũng tham gia đánh bạc, còn NLC2 ngồi xem.

Trong lúc T2 đang ở dưới nhà đợi D đến thì Bùi Bá V1 có xuống lấy thêm 3.000.000 đồng tiền nợ từ T2. S cũng xuống dưới nhà bảo T2 mở cửa cho S ra đi trả nợ ông Phạm Văn C, sinh năm 1962, trú tại thôn TT xã QS, thành phố TĐ. Do sợ mở cửa cho người ra vào nhiều sẽ bị phát hiện nên T2 có cầm điện thoại của S đang nói chuyện với ông C rồi nói với ông C là T2 cầm hộ số tiền S trả ông C và sẽ có trách nhiệm đưa lại cho ông C sau, được ông C đồng ý nên S đưa cho T2 số tiền 7.000.000 đồng rồi lên đánh bạc tiếp.

Trong quá trình đánh bạc, Bùi Bá V1 thắng, còn V2, P, T4, T1 nhiều lần thua hết tiền nên hỏi vay của V1; V1 đồng ý lấy từ số tiền thắng bạc cho vay và cắt luôn lãi 100.000 đồng trên 1.000.000 đồng; mọi người đều đồng ý; cụ thể V1 cho V2 vay 1.000.000 đồng, cắt lãi 100.000 đồng, đưa cho V2 900.000 đồng;

cho P vay 1.000.000 đồng cắt lãi 100.000 đồng, đưa cho P 900.000 đồng, khi thắng bạc P đã trả lại V1 1.000.000 đồng; cho T4 vay 6 lần tổng là 10.000.000 đồng, đã cắt lãi 1.000.000 đồng và đưa cho T4 9.000.000 đồng, T4 đã trả được cho V1 2.000.000 đồng, còn nợ 8.000.0000 đồng; cho T1 vay 2.000.000 đồng, cắt lãi 200.000 đồng, đưa cho T1 1.800.000 đồng; tổng tiền V1 cho vay là 14.000.0000 đồng, V1 cắt lãi được 1.400.000 đồng.

Trong lúc Bùi Bá V1, T1, T3, V2, P, T4, S đang đánh bạc, V1 có nói "mỗi người chơi bỏ ra 100.000 đồng" nên T1, T4, T3, V2, P và S mỗi người đều nộp cho V1 100.000 đồng, tổng được 600.000 đồng.

Khoảng 15 giờ cùng ngày khi D và Nguyễn Hải Ph đến, T2 hướng dẫn D đi vòng ra cửa cổng sau và mở cửa cho D vào nhà chị V; Nguyễn Hải Ph cũng vào theo D. T2 giao chìa khóa cho Ph và lấy bàn ghế của nhà chị V kê tại sân để cho Ph ngồi cảnh giới phía ngoài sân; T2 và D dặn Ph có ai đến thì báo. Sau đó T2 và D vào trong nhà, T2 cài then cửa ra vào phòng khách của nhà chị V và bảo D ngồi cảnh giới rồi cầm theo 7.000.000 đồng của anh C lên gác xép để đánh bạc. Khi thấy Đ ngồi xem đánh bạc thì T2 đòi Đ số tiền 2.400.000 đồng do Đ nợ từ đầu tháng 02/2017. T2 thấy V1 sắp hết tiền nên đã trả nợ thêm cho V1 số tiền 2.000.000 đồng từ số tiền Đ trả nợ rồi vào tham gia đánh bạc. Lúc này V1 nghĩ T2 ở dưới nhà làm cảnh giới cho mọi người đánh bạc nên V1 đưa cho T2 số tiền 600.000 đồng để trả công cho T2. Còn D ở dưới nhà có đi lên chỗ T2 và mọi người đang đánh xóc đĩa rồi đi lại quan sát xung quanh qua các cửa nhà chị V. Khi thấy D, T2 đưa cho D số tiền 600.000 đồng mà V1 đưa cho T2 để trả công cảnh giới; D cầm tiền rồi đi xuống dưới nhà tiếp tục cảnh giới.

Đến 15 giờ 45 phút cùng ngày, khi D, Ph đang cảnh giới, còn T2, V1, T1, T4, T3, V2, P và S đang đánh xóc đĩa được thua bằng tiền thì Công an thành phố TĐ đến. Lúc này T2 cầm 04 quân vị cùng thẻ căn cước của T2 bỏ vào bồn cầu nhà vệ sinh rồi giật nước để tẩu tán; những người còn lại bỏ chạy đến các phòng để cất giấu tiền và tẩu tán công cụ sử dụng đánh bạc thì bị Công an phát hiện, thu giữ số tiền sử dụng đánh bạc của V1 là 1.800.000 đồng, của T1 là 2.500.000 đồng, của T3 là 5.500.000 đồng, của V2 là 1.000.000 đồng, của S là 1.000.000 đồng, của T2 là 7.800.000 đồng, T4, P không còn tiền và của D là 680.000 đồng (trong đó có 600.000 đồng là tiền công cảnh giới T2 đưa cho D); sau khi về trụ sở Cơ quan điều tra, T4 giao nộp số tiền 500.000 đồng sử dụng đánh bạc cất giấu trong người, như vậy tổng số tiền thu giữ là 20.780.000 đồng. Thu giữ tại nơi các bị cáo đánh bạc 02 bát sứ; 01 đĩa sứ, 01 bảng vị bằng vải bạt, 01 kéo sắt và 06 mảnh vỏ bao thuốc lá Thăng Long, thu giữ của V1 một tờ giấy kẻ ô ly, 01 bút bi màu xanh do V1 dùng ghi lại số tiền và tên người vay tiền để đánh bạc bằng bút bi mực xanh. Còn 04 quân vị do Bùi Văn T2 đã cho bồn cầu nhà vệ sinh xả nước trôi đi mất nên không thu giữ được.

Quá trình bắt người phạm tội quả tang, Cơ quan điều tra đã tạm giữ các tài sản: 01 điện thoại Nokia 105 của Bùi Văn T2, 01 điện thoại Nokia 105 của Lê Trọng T1, 01 điện thoại Nokia 105 của Phạm Mạnh T3, 01 điện Nokia 105 của Hoàng Văn V2, 01 điện thoại Iphone 5 của Nguyễn Tất D, 01 điện thoại Nokia X1 của Bùi Bá V1

Cơ quan điều tra cũng đã tạm giữ: 01 điện thoại Nokia X1 của P, 01 điện thoại Iphone 5 của S, 01 điện thoại SamSung Galaxy J7 của T4 nhưng sau đó đã trả lại cho T4, P, S do không liên quan đến hành vi phạm tội. Tạm giữ của Nguyễn Hải Ph 01 chiếc điện thoại Nokia 1202 do Ph mượn của bố đẻ là ông Nguyễn Hải N, do ông N không có lỗi nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông N. Số tiền 80.000 đồng của Nguyễn Tất D do không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra cũng đã trả lại cho Nguyễn Tất D.

Quá trình điều tra xác định được tổng số tiền các bị cáo trong vụ án sử dụng đánh bạc là 20.700.000 đồng, trong đó của T1 là 900.000 đồng, V1 là 6.000.000 đồng, T2 là 7.400.000 đồng, T4 là 700.000 đồng, T3 là 4.500.000 đồng, P là 200.000 đồng, S là 1.000.000 đồng; còn V2 vay 500.000 đồng của T4 và 1.000.000 đồng của V1 để đánh bạc (số tiền này do T4 và V1 đã tham gia đánh bạc thắng rồi cho V2 vay).

Quá trình điều tra các bị cáo Lê Trọng T1, Bùi Bá V1, Bùi Văn T2, Phạm Mạnh T3, Nguyễn Hữu T4, Hoàng Văn V2, Đỗ Thế P, Vũ Văn S và Nguyễn Tất D cũng đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình.

Tại bản cáo trạng số 14/CT-VKS ngày 14/6/2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp đã truy tố:

- Bị cáo Bùi Bá V1 về tội Gá bạc, theo khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự và tội Đánh bạc, theo khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự;

- Các bị cáo: Lê Trọng T1, Bùi Văn T2, Phạm Mạnh T3, Nguyễn Hữu T4, Hoàng Văn V2, Đỗ Thế P, Vũ Văn S, Nguyễn Tất D về tội Đánh bạc, theo khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị:

- Tuyên bố bị cáo Bùi Bá V1 phạm tội Gá bạc và tội Đánh bạc; các bị cáo: Lê Trọng T1, Bùi Văn T2, Phạm Mạnh T3, Nguyễn Hữu T4, Hoàng Văn V2, Đỗ Thế P, Vũ Văn S và Nguyễn Tất D phạm tội Đánh bạc.

- Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 248; khoản 1 và khoản 3 Điều 249; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Bùi Bá V1 từ 4 đến 6 tháng tù về tội Đánh bạc, từ 12 đến 15 tháng tù về tội Gá bạc. Phạt tiền bổ sung từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng về tội Đánh bạc, từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng về tội Gá bạc

Áp dụng khoản 5 Điều 60 của Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo Bùi Bá V1 phải chấp hành hình phạt 24 tháng tù, cho hưởng án treo tại bản án số 01/2015/HSST ngày 07/01/2015 của Tòa án nhân dân thị xã Tam Điệp (nay là thành phố Tam Điệp), tỉnh Ninh Bình, được trừ 06 ngày bị tạm giữ.

Áp dụng Điều 50; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của tội mới bị xét xử với hình phạt chưa chấp hành của bản án số 01/2015/HSST ngày 07/01/2015 của Tòa án nhân dân thị xã Tam Điệp (nay là thành phố Tam Điệp), tỉnh Ninh Bình, buộc bị cáo Bùi Bá V1 phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án nhưng được trừ 06 ngày đã bị tạm giữ của lần phạm tội ngày 14/02/2017.

- Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 248; các điểm h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự để xử phạt: Bị cáo Lê Trọng T1 từ 18 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ, phạt tiền bổ sung từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng; bị cáo Bùi Văn T2 từ 12 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, phạt tiền bổ sung từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng; bị cáo Phạm Mạnh T3 từ 12 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, phạt tiền bổ sung từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng; bị cáo Nguyễn Hữu T4 từ 9 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, phạt tiền bổ sung 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng; bị cáo Hoàng Văn V2 từ 9 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, phạt tiền bổ sung 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng; bị cáo Nguyễn Tất D từ 9 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, phạt tiền bổ sung 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng. Giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi thường trú, giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt.

- Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Thế P từ 12 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, phạt tiền bổ sung 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng; bị cáo Vũ Văn S từ 12 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, phạt tiền bổ sung 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng. Giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi thường trú, giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt.

- Áp dụng Điều 31 của Bộ luật hình sự, khấu trừ từ 5% đến 10% thu nhập trong thời gian chấp hành hình phạt đối với các bị cáo: Lê Trọng T1, Bùi Văn T2, Phạm Mạnh T3, Nguyễn Hữu T4, Hoàng Văn V2, Đỗ Thế P, Vũ Văn S và Nguyễn Tất D.

- Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng các điểm a, b khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Hình sự; các điểm a, c, đ khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 20.700.000 đồng; 01 điện thoại Nokia 105 của bị cáo Bùi Văn T2; 01 điện thoại Nokia 105 của bị cáo Lê Trọng T1; 01 điện thoại Nokia 105 của bị cáo Phạm Mạnh T3; 01 điện Nokia 105 của bị cáo Hoàng Văn V2; 01 điện thoại Iphone 5 của bị cáo Nguyễn Tất D; 01 điện thoại Nokia X1 của bị cáo Bùi Bá V1; tịch thu tiêu hủy: 02 chiếc bát, 01 đĩa, 01

bảng vị, 01 kéo, 01 bút bi, 06 mảnh vỏ bao thuốc lá Thăng Long; 06 chiếc thẻ sim đã qua sử dụng được gắn kèm theo 06 chiếc điện thoại đã bị tịch thu kể trên.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa cũng như lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, các bị cáo Bùi Bá V1, Lê Trọng T1, Bùi Văn T2, Phạm Mạnh T3, Nguyễn Hữu T4, Hoàng Văn V2, Đỗ Thế P, Vũ Văn S và Nguyễn Tất D đều khai nhận hành vi tham gia đánh xóc đĩa của mình và các bị cáo khác trong vụ án; các bị cáo Lê Trọng T1, Phạm Mạnh T3, Nguyễn Hữu T4, Hoàng Văn V2, Đỗ Thế P, Vũ Văn S cũng khai báo trong quá trình đánh bạc, bị cáo Bùi Bá V1 đã thu tiền hồ của mỗi người chơi là 100.000 đồng và không biết bị cáo V sử dụng số tiền này vào việc gì; bị cáo Bùi Bá V1 cũng thừa nhận đã thu tiền hồ của 6 người chơi được 600.000 đồng sau đó đã dùng số tiền này trả cho bị cáo Bùi Văn T2 vì nghĩ rằng T2 trông coi cảnh giới cho bị cáo tham gia đánh bạc. Diễn biến sự việc các bị cáo khai báo đúng như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Tất cả các bị cáo trong vụ án đều xác định việc bị truy tố, xét xử là đúng người, đúng tội. Các bị cáo cũng đồng ý với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc xử lý vật chứng. Lời nói sau cùng các bị cáo đều xin được hưởng mức án thấp nhất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Đỗ Thị V vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình điều tra đã khai báo ngày 14/2/2017 đã cho bị cáo Bùi Bá V1 mượn nhà để ngủ, sau đó chị V đi ra khỏi nhà, chị V không biết việc các bị cáo trong vụ án đã đánh bạc tại nhà mình. Đối với các tài sản như bát, đĩa, kéo mà các bị cáo đã sử dụng để phục vụ việc đánh bạc, do có giá trị không đáng kể nên chị V không có yêu cầu nhận lại.

Những người làm chứng NLC1, NLC2 đều khai báo đã chứng kiến các bị cáo thực hiện hành vi đánh xóc đĩa được thua bằng tiền bị Công an bắt quả tang, thu giữ số tiền 20.280.000 đồng và toàn bộ dụng cụ đánh bạc như đã nêu trên.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an thành phố Tam Điệp, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa là thống nhất, phù hợp nhau và phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, nội dung biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy có đủ cơ sở khẳng định: Buổi chiều ngày 14/2/2017 tại nhà của chị Đỗ Thị V ở thôn TH, xã QS, thành phố TĐ, tỉnh Ninh Bình do bị cáo Bùi Bá V1 đang quản lý, các bị cáo Bùi Bá V1, Lê Trọng T1, Bùi Văn T2, Phạm Mạnh T3, Nguyễn Hữu T4, Hoàng Văn V2, Đỗ Thế P, Vũ Văn S đã có hành vi đánh bạc bằng hình thức đánh xóc đĩa được thua bằng tiền với tổng số tiền sử dụng là 20.700.000 đồng, bao gồm: 20.200.000 đồng thu giữ tại nơi đánh bạc (bao gồm 600.000 đồng bị cáo Bùi Bá V1 trả cho bị cáo Bùi Văn T2 sau đó T2 trả cho bị cáo Nguyễn Tất D, cũng là số tiền được trích ra từ số tiền đang được sử dụng đánh bạc) và 500.000 đồng do Nguyễn Hữu T4 tự giao nộp tại Cơ quan Công an. Bị cáo Nguyễn Tất D là người cảnh giới cho các bị cáo khác đánh bạc. Bị cáo Bùi Bá V1 có hành vi thu tiền "hồ" của 6 bị cáo tham gia đánh bạc khác được 600.000 đồng từ việc cho các bị cáo khác đánh bạc tại địa điểm do bị cáo V1 được giao quản lý. Hành vi nêu trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự an toàn công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trị an ở địa phương.

[3] Khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 về tội đánh bạc quy định: "Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 249 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm". Hành vi đánh bạc với tổng số tiền sử dụng là 20.700.000 đồng của các bị cáo Bùi Bá V1, Lê Trọng T1, Bùi Văn T2, Phạm Mạnh T3, Nguyễn Hữu T4, Hoàng Văn V2, Đỗ Thế P, Vũ Văn S đã đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc như đã viện dẫn ở trên. Bị cáo Nguyễn Tất D có hành vi cảnh giới nhằm đảm bảo an toàn cho các bị cáo khác đánh bạc là thuộc trường hợp đồng phạm với vai trò là người giúp sức.

[4] Khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 về tội đánh bạc quy định: "Người nào tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc trái phép với quy mô lớn hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi quy định tại Điều này và Điều 248 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về một trong các tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến ba trăm triệu đồng hoặc phạt tù từ một năm đến năm năm". Hành vi đánh bạc với tổng số tiền sử dụng là 20.700.000 đồng, có phân công người cảnh giới, theo hướng dẫn tại khoản 1 điều 2 Nghị Quyết 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao là thuộc trường hợp có quy mô lớn, mặt khác trong vụ án này, bị cáo Bùi Bá V1 trước đây đã từng bị kết án về tội đánh bạc theo điều 248 của Bộ luật Hình sự, chưa được xóa án tích. Do vậy hành vi cho người khác đánh bạc tại địa điểm do mình quản lý

để thu 600.000 đồng tiền "hồ" của bị cáo Bùi Bá V1 đã đủ yếu tố cấu thành tội Gá bạc theo điều luật đã viện dẫn ở trên.

[5] Từ những phân tích nêu trên, thấy Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp truy tố các bị cáo Lê Trọng T1, Bùi Văn T2, Phạm Mạnh T3, Nguyễn Hữu T4, Hoàng Văn V2, Đỗ Thế P, Vũ Văn S và Nguyễn Tất Dg về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự, truy tố bị cáo Bùi Bá V1 về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự và tội Gá bạc theo khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[6] Đây là vụ án có tính chất đồng phạm, vị trí, vai trò và tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo được xác định như sau:

- Bị cáo Bùi Bá V1 cùng một lúc phạm hai tội, trong đó tội Gá bạc có hai tiết định tội là "gá bạc trái phép với quy mô lớn" và "đã bị kết án về tội đánh bạc quy định tại Điều 248 của Bộ luật Hình sự". Đối với tội đánh bạc, bị cáo Bùi Bá V1 là người được bị cáo Lê Trọng T1 rủ rê đi đánh bạc, sau khi từ chối T1 với lý do không có tiền thì do không làm chủ được bản thân, thiếu ý thức chấp hành pháp luật, Bùi Bá V1 đã chủ động gọi điện lại cho T1 để T1 đến đón, sau đó V1 là người đứng ra mượn địa điểm nhằm thúc đẩy, thực hiện hành vi phạm tội; khi đánh bạc bị cáo V1 là người có số tiền cá nhân đem vào đánh bạc lớn thứ hai trong vụ án, trong quá trình đánh bạc do thắng bạc nên V1 còn cho nhiều bị cáo khác vay lại tiền để tiếp tục chơi, đồng thời Bùi Bá V1 cũng là người chủ động cho tiền bị cáo Bùi Văn T2 khi thấy T2 tự nguyện làm nhiệm vụ cảnh giới thể hiện vai trò chính, quan trọng của bị cáo Bùi Bá V1 trong vụ án.

- Bị cáo Lê Trọng T1 tham gia đánh bạc với vai trò là người rủ rê, vừa là người thực hành, trực tiếp chuẩn bị dụng cụ đánh bạc nên cũng là người giữ vai trò chính, quan trọng trong vụ án, tuy nhiên số tiền cá nhân bị cáo đem vào đánh bạc là không cao so với các bị cáo khác trong vụ án.

- Bị cáo Bùi Văn T2 tham gia phạm tội với vai trò là người thực hành, được bị cáo Bùi Bá V1 gọi đến, thấy các bị cáo khác đang đánh bạc, tuy lúc đầu không tham gia, sau đó do không làm chủ được bản thân đã gọi điện nhờ bị cáo Nguyễn Tất D đến cảnh giới cho mình để tham gia đánh bạc, bị cáo tham gia đánh bạc với số tiền cá nhân lớn nhất trong vụ án do vậy bị cáo Bùi Văn T2 là người tham gia thực hiện hành vi một cách tích cực.

- Bị cáo Phạm Mạnh T3 là người thực hành có số tiền cá nhân đem vào đánh bạc cao thứ ba trong vụ án, đồng thời cũng là người rủ rê thêm bị cáo Hoàng Văn V2 tham gia phạm tội nên bị cáo Phạm Mạnh T3 cũng là người tham gia phạm tội một cách tích cực.

- Các bị cáo Đỗ Thế P, Vũ Văn S, Hoàng Văn V2, Nguyễn Hữu T4 tham gia đánh bạc với vai trò là người thực hành, có số tiền cá nhân đem vào đánh bạc không lớn vì vậy có vai trò thấp hơn các bị cáo nêu trên.

- Bị cáo Nguyễn Tất D tham gia vụ án với vai trò là người cảnh giới, giúp sức cho các bị cáo khác đánh bạc để được trả công, vì vậy bị cáo Nguyễn Tất D có vai trò thấp nhất trong vụ án.

[7] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

- Bị cáo Bùi Bá V1 phạm tội trong thời gian đang chấp hành bản án về tội đánh bạc, do tình tiết đã bị kết án là yếu tố định tội nên không coi là tình tiết tăng nặng đối với bị cáo V1 về tội Gá bạc, nhưng thuộc trường hợp có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tái phạm theo điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự đối với tội Đánh bạc.

- Tất cả các bị cáo trong vụ án trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

- Các bị cáo Lê Trọng T1, Bùi Văn T2, Phạm Mạnh T3, Nguyễn Hữu T4, Hoàng Văn V2, Nguyễn Tất D đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Bùi Bá V1 là con của người có công với cách mạng (có bố đẻ là người được tặng thưởng nhiều huy chương kháng chiến) nên bị cáo Bùi Bá V1 được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

[8] Về nhân thân: Trong vụ án này, bị cáo Bùi Bá V1 phạm tội trong thời gian thử thách của án treo, bị cáo Đỗ Thế P, Vũ Văn S đã từng có hành vi phạm tội đến khi thực hiện hành vi phạm tội lần này đã đủ điều kiện để được coi là chưa bị kết án; bị cáo Bùi Văn T2, Nguyễn Tất D trước khi phạm tội lần này đã từng có hành vi vi phạm pháp luật hành chính, đến khi thực hiện hành vi phạm tội lần này đều đã đủ điều kiện được coi là chưa bị xử lý, xử phạt hành chính. Các bị cáo Lê Trọng T1, Phạm Mạnh T3, Nguyễn Hữu T4 và Hoàng Văn V2 đều là những người có nhân thân tốt, trước khi phạm tội lần này đều chưa vi phạm pháp luật lần nào.

[9] Xét tính chất hành vi, vị trí, vai trò, mức độ tham gia phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của các bị cáo như đã nêu trên, Hội đồng xét xử thấy việc quyết định hình phạt đối với các bị cáo như sau:

- Áp dụng loại hình phạt tù và phạt tiền bổ sung về cả hai tội Đánh bạc và Gá bạc đối với bị cáo Bùi Bá V1, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội.

Bị cáo Bùi Bá V1 phạm tội trong thời gian thử thách của hình phạt 24 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng tại bản án hình sự số 01/2015/HSST ngày 07/01/2015 của Tòa án nhân dân thị xã Tam Điệp (nay là thành phố Tam Điệp), tỉnh Ninh Bình, do vậy căn cứ khoản 5 Điều 60 của Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 24 tháng tù nêu trên, được trừ 06 ngày đã bị tạm giữ trước đó. Căn cứ khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chưa chấp hành của bản án số 01/2015/HSST ngày

07/01/2015 của Tòa án nhân dân thị xã Tam Điệp (nay là thành phố Tam Điệp), tỉnh Ninh Bình với hình phạt của các tội bị xét xử lần này để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án.

- Các bị cáo còn lại gồm: Lê Trọng T1, Bùi Văn T2, Phạm Mạnh T3, Nguyễn Hữu T4, Hoàng Văn V2, Đỗ Thế P, Vũ Văn S, Nguyễn Tất D, do có nơi thường trú rõ ràng hoặc có nơi làm việc cụ thể nên có thể áp dụng loại hình phạt cải tạo không giam giữ với mức hình phạt tương xứng với vị trí vai trò, các tình tiết giảm nhẹ và nhân thân của các bị cáo, đồng thời phạt tiền bổ sung, khấu trừ một phần thu nhập trong thời gian chấp hành hình phạt.

[10] Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

- Số tiền đã thu giữ là 20.700.000 đồng đều là tiền sử dụng đánh bạc (bao gồm 600.000 đồng của Nguyễn Tất D phạm tội mà có); 06 chiếc điện thoại, bao gồm: 01 điện thoại Nokia 105 của bị cáo Bùi Văn T2; 01 điện thoại Nokia 105 của bị cáo Lê Trọng T1; 01 điện thoại Nokia 105 của bị cáo Phạm Mạnh T3; 01 điện Nokia 105 của bị cáo Hoàng Văn V2; 01 điện thoại Iphone 5 của bị cáo Nguyễn Tất D; 01 điện thoại Nokia X1 của bị cáo Bùi Bá V1 là phương tiện các bị cáo rủ rê nhau, trao đổi với nhau nhằm thực hiện hành vi đánh bạc, cảnh giới việc đánh bạc, đều là phương tiện phạm tội nên căn cứ các điểm a, b khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Hình sự, các điểm a, c khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước;

- Đối với 06 chiếc thẻ sim điện thoại đã qua sử dụng, được gắn kèm 06 chiếc điện thoại kể trên, 02 bát, 01 đĩa, 01 bảng vị, 01 kéo, 01 bút bi, 06 mảnh vỏ bao thuốc lá Thăng Long đều không còn giá trị sử dụng; đối với 02 bát, 01 đĩa, và 01 kéo của chị Đỗ Thị V, do chị V có đề nghị không nhận lại nên căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự, cần tịch thu tiêu hủy

- Đối với 01 mảnh giấy kẻ ô ly thu của bị cáo Bùi Bá V1 đã được lưu hồ sơ vụ án.

- Các tài sản tạm giữ gồm: Điện thoại của các bị cáo Nguyễn Hữu T4, Đỗ Thế Pg, Vũ Văn S và số tiền 80.000 đồng của bị cáo Nguyễn Tất D không liên quan đến hành vi phạm tội; chiếc điện thoại Nokia 1202 của anh Nguyễn Hải N là bố của Nguyễn Hải Ph, do anh N không biết Ph dùng điện thoại của mình vào việc cảnh giới đánh bạc nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là đúng pháp luật.

[11] Các bị cáo bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 6 và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

[10] Đối với Nguyễn Hải Ph đã có hành vi cảnh giới cho các bị cáo khác đánh bạc, tuy nhiên tính đến ngày 14/02/2017, Ph chưa đủ 16 tuổi nên hành vi của Nguyễn Hải Ph chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm, Công an thành phố Tam

Điệp đã ra quyết định xử phạt hành chính số 70 ngày 18/5/2017 đối với Nguyễn Hải Ph là đúng pháp luật. Chị Đỗ Thị V cho bị cáo Bùi Bá V1 mượn nhà, nhưng không biết mục đích để sử dụng làm địa điểm thực hiện hành vi "Đánh bạc" và không được hưởng lợi ích gì từ việc cho mượn nhà nên chị V không vi phạm pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố:

- Bị cáo Bùi Bá V1 phạm tội Gá bạc và tội Đánh bạc

- Các bị cáo: Lê Trọng T1, Bùi Văn T2, Phạm Mạnh T3, Nguyễn Hữu T4, Hoàng Văn V2, Đỗ Thế P, Vũ Văn S và Nguyễn Tất D phạm tội Đánh bạc.

2. Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 248; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Bá V1 06 (sáu) tháng tù, phạt tiền bổ sung bị cáo Bùi Bá V1 3.000.000 (ba triệu) đồng về tội Đánh bạc;

Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 249; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Bá V1 12 (mười hai) tháng tù, phạt tiền bổ sung bị cáo Bùi Bá V1 5.000.000 (năm triệu) đồng về tội Gá bạc.

Áp dụng khoản 5 Điều 60 của Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo Bùi Bá V1 phải chấp hành hình phạt 24 tháng tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 01/2015/HSST ngày 07/01/2015 của Tòa án nhân dân thị xã Tam Điệp (nay là thành phố Tam Điệp), tỉnh Ninh Bình, nhưng được trừ 06 ngày đã bị tạm giữ (từ ngày 06/5/2014 đến 12/5/2014), thời hạn tù còn phải chấp hành tiếp là 23 (hai mươi ba) tháng 24 (hai mươi bốn) ngày tù.

Áp dụng khoản 1 và khoản 2 Điều 50; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của tội mới bị xét xử lần này với hình phạt chưa chấp hành của bản án số 01/2015/HSST ngày 07/01/2015 của Tòa án nhân dân thị xã Tam Điệp (nay là thành phố Tam Điệp), tỉnh Ninh Bình. Tổng hợp hình phạt chính: Buộc bị cáo Bùi Bá V1 phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 41 (bốn mươi mốt) tháng 24 (hai mươi bốn) ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, nhưng được trừ 06 ngày đã bị tạm giữ (từ ngày 14/2/2017 đến 20/2/2017), bị cáo Bùi Bá V1 còn phải chấp hành tiếp 41 (bốn mươi mốt) tháng 18 (mười tám) ngày tù. Tổng hợp hình phạt bổ sung, buộc bị cáo Bùi Bá V1 phải chịu phạt tổng số tiền phạt là 8.000.000 (tám triệu) đồng.

3. Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 248; các điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 31 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Trọng T1 24 (hai mươi bốn)

tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án, nhưng được trừ thời gian đã bị tạm giữ trước đó là 06 (sáu) ngày bằng 18 (mười tám) ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo Lê Trọng T1 còn phải chấp hành tiếp 23 (hai mươi ba) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Lê Trọng T1 cho Ủy ban nhân dân phường PT, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo

Khấu trừ 10% thu nhập trong thời gian chấp hành hình phạt đối với bị cáo Lê Trọng T1.

Phạt tiền bổ sung bị cáo Lê Trọng T1 3.000.000 (ba triệu) đồng.

4. Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 248; các điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 31 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Văn T2 21 (hai mươi mốt) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án, nhưng được trừ thời gian đã bị tạm giữ trước đó là 06 (sáu) ngày bằng 18 (mười tám) ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo Bùi Văn T2 còn phải chấp hành tiếp 20 (hai mươi) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Bùi Văn T2 cho Ủy ban nhân dân phường TS, thành phố TĐ, tỉnh Ninh Bình giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo

Khấu trừ 10% thu nhập trong thời gian chấp hành hình phạt đối với bị cáo Bùi Văn T2.

Phạt tiền bổ sung bị cáo Bùi Văn T2 3.000.000 (ba triệu) đồng.

5. Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 248; các điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 31 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Mạnh T3 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án, nhưng được trừ thời gian đã bị tạm giữ trước đó là 06 (sáu) ngày bằng 18 (mười tám) ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo Phạm Mạnh T3 còn phải chấp hành tiếp 17 (mười bảy) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Phạm Mạnh T3 cho Ủy ban nhân dân xã QS, thành phố TĐ, tỉnh Ninh Bình giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc

giám sát, giáo dục bị cáo

Khấu trừ 10% thu nhập trong thời gian chấp hành hình phạt đối với bị cáo Phạm Mạnh T3.

Phạt tiền bổ sung bị cáo Phạm Mạnh T3 3.000.000 đồng (ba triệu đồng)

6. Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 31 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Thế P 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án, nhưng được trừ thời gian đã bị tạm giữ trước đó là 06 (sáu) ngày bằng 18 (mười tám) ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo Đỗ Thế P còn phải chấp hành tiếp 17 (mười bảy) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Đỗ Thế P cho Ủy ban nhân dân xã NT, huyện NS, tỉnh Thanh Hóa giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo

Khấu trừ 10% thu nhập trong thời gian chấp hành hình phạt đối với bị cáo Đỗ Thế P.

Phạt tiền bổ sung bị cáo Đỗ Thế P 3.000.000 đồng (ba triệu đồng)

7. Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 31 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Văn S 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án, nhưng được trừ thời gian đã bị tạm giữ trước đó là 06 (sáu) ngày bằng 18 (mười tám) ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo Vũ Văn S còn phải chấp hành tiếp 17 (mười bảy) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Vũ Văn S cho Ủy ban nhân dân phường TS, thành phố TĐ, tỉnh Ninh Bình giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo

Khấu trừ 10% thu nhập trong thời gian chấp hành hình phạt đối với bị cáo Vũ Văn S.

Phạt tiền bổ sung bị cáo Vũ Văn S 3.000.000 đồng (ba triệu đồng)

8. Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 248; các điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 31 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T4 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định

thi hành án và bản sao bản án, nhưng được trừ thời gian đã bị tạm giữ trước đó là 06 (sáu) ngày bằng 18 (mười tám) ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo Nguyễn Hữu T4 còn phải chấp hành tiếp 11 (mười một) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Nguyễn Hữu T4 cho Ủy ban nhân dân phường TS, thành phố TĐ, tỉnh Ninh Bình giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo

Khấu trừ 10% thu nhập trong thời gian chấp hành hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Hữu T4.

Phạt tiền bổ sung bị cáo Nguyễn Hữu T4 3.000.000 đồng (ba triệu đồng)

9. Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 248; các điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 31 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Văn V2 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án, nhưng được trừ thời gian đã bị tạm giữ trước đó là 06 (sáu) ngày bằng 18 (mười tám) ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo Hoàng Văn V2 còn phải chấp hành tiếp 11 (mười một) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Hoàng Văn V2 cho Ủy ban nhân dân xã QS, thành phố TĐ, tỉnh Ninh Bình giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo

Khấu trừ 10% thu nhập trong thời gian chấp hành hình phạt đối với bị cáo Hoàng Văn V2.

Phạt tiền bổ sung bị cáo Hoàng Văn V2 3.000.000 đồng (ba triệu đồng)

10. Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 248; các điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 31 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Tất D 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án, nhưng được trừ thời gian đã bị tạm giữ trước đó là 06 (sáu) ngày bằng 18 (mười tám) ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo Nguyễn Tất D còn phải chấp hành tiếp 08 (tám) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Nguyễn Tất D cho Ủy ban nhân dân phường TS, thành phố TĐ, tỉnh Ninh Bình giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo

Khấu trừ 10% thu nhập trong thời gian chấp hành hình phạt đối với bị cáo

Nguyễn Tất D.

Phạt tiền bổ sung bị cáo Nguyễn Tất D 3.000.000 đồng (ba triệu đồng)

11. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong khoản tiền phạt, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

12. Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: Áp dụng các điểm a, b khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự; các điểm a, c, đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 20.700.000 (hai mươi triệu bảy trăm nghìn) đồng, hiện đang quản lý tại Kho bạc nhà nước thành phố Tam Điệp theo Ủy nhiệm chi lập ngày 20/6/2017 giữa Công an thành phố Tam Điệp và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Điệp.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại Nokia 105 có số IMEI 351859074654314 của Bùi Văn T2, 01 điện thoại Nokia 105 có số IMEI1 là 353677085366084 và số IMEI2 là 353677085366092 của Lê Trọng T1, 01 điện thoại Nokia 105 có số IMEI 351848072482181 của Phạm Mạnh T3, 01 điện Nokia 105 có số IMEI 357809065233440 của Hoàng Văn V2, 01 điện thoại Iphone 5 có số IMEI 358689058660075 của Nguyễn Tất D, 01 điện thoại Nokia X1 có số IMEI1 là 354122054912625 và IMEI2 là 354122054912633 của Bùi Bá V1.

- Tịch thu tiêu hủy: 02 bát, 01 đĩa, 01 bảng vị, 01 kéo, 01 bút bi, 06 mảnh vỏ bao thuốc lá Thăng Long, 01 thẻ sim có số 89840,48604,07351,4063 của Bùi Văn T2, 01 thẻ sim số 89840,20002,16326,77552 của Lê Trọng T1, 01 thẻ sim số 49840,48701,02895,6927 của Phạm Mạnh T3, 01 thẻ sim không có số của Hoàng Văn V2, 01 thẻ sim số 898402000,21462241172 của Nguyễn Tất D, 01 thẻ sim số 89840,40361,00793,3463 của Bùi Bá V1.

Chi tiết các vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/6/2017 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tam Điệp và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Điệp

13. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 6, 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án, buộc các bị cáo Bùi Bá V1, Lê Trọng T1, Bùi Văn T2, Phạm Mạnh T3, Nguyễn Hữu T4, Hoàng Văn V2, Đỗ Thế P, Vũ Văn S và Nguyễn Tất D mỗi bị cáo phải nộp 200.0000 (hai trăm nghìn) đồng.

Án xử sơ thẩm, các bị cáo, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2

Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND thành phố Tam Điệp;
- Công an thành phố Tam Điệp;
- Chi cục THADS thành phố Tam Điệp;
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Quách Thành Trung